**TUẦN 20 CHỦ ĐIỂM: CUỘC SỐNG MẾN YÊU**

**Bài 3: Xôn xao mùa hè**

**Luyện từ và câu: Thành phần chính của câu (Tiết 3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận diện và biết sử dụng thành phần chính của câu.

**-** Biết thảo luận, chia sẻ với bạn hoàn thành nhiệm vụ học tập.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Thẻ từ cho HS thực hiện các bài tập luyện từ, luyện câu.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Hoạt động mở đầu** | |
| - Cho HS trả lời 2 câu hỏi cho câu sau: “Bông hoa rất đẹp.”  + Cái gì rất đẹp?  + Bông hoa như thế nào?  - GV dẫn dắt giới thiệu bài. | - HS chơi trò chơi trả lời nhanh  + Bông hoa.  + Rất đẹp.  - Hs nhận xét câu trả lời của bạn |
| **B. Hoạt động Khám phá và luyện tập***.* | |
| ***Hoạt động 1. Hình thành khái niệm thành phần chính của câu.***  \* **Bài 1**  - YC HS xác định yêu cầu BT 1  - YC HS làm việc cá nhân, thảo luận theo nhóm 2 hoàn thành BT1  - GV cho 1 số nhóm HS trình bày trước lớp.  - Cho HS nhận xét  - GV nhận xét; kết luận.  + *Các từ: Người trả lời cho câu hỏi Ai; Cột ăng-ten trả lời cho câu hỏi Cái gì?; Con sáo nâu trả lời cho câu hỏi Con gì? Gọi là thành phần chính thứ nhất của câu.*  **\* Bài 2**  - Gọi 1 HS đọc BT 2, gọi 1 số HS xác định yêu cầu của bài tập.  - Cho HS làm bài vào VBT, sau đó thảo luận nhóm đôi chia sẻ kết quả bài làm  - GVcho nhóm HS trình bày bài làm, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét; kết luận.  *+Các từ ngữ: Chạy ùa ra sân, là phở bò; xanh non mơn mởn gọi là thành phần chính thứ hai của câu.*  **\* Bài 3.**  - YC HS đọc và xác định yêu cầu của BT  - Cho HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm 2 trả lời câu hỏi.  - Gọi 1 số nhóm HS chia sẻ trước lớp.  - Cho HS nhận xét  - GV nhận xét chung.  **=> GV chốt ý rút ghi nhớ.**  + Các từ in đậm nêu người, vật trong bài tập 1 gọi là chủ ngữ. Vậy chủ ngữ là gì?  + Các từ in đậm trong bài tập 2 gọi là vị ngữ của câu. Vậy vị ngữ là gì?  − Gọi 2,3 HS nhắc lại ghi nhớ.  - GV cho HS nêu thêm 1 câu viết vào bảng con, tự xác định chủ ngữ, vị ngữ  (Gv hướng dẫn cách trình bày)  - Gv gọi 1 số em dán bảng, trình bày trước lớp. Cho Hs nhận xét  - GV nhận xét, khen ngợi.  **Hoạt động 2. Luyện tập, thực hành**  **\* Bài 4 .Nhận diện chủ ngữ, vị ngữ.**  - Cho HS đọc và xác định yêu cầu BT4  - Cho HS làm bài vào VBT: GV gợi ý HS sử dụng những câu hỏi *Ai?, Con gì?, Cái gì?* để xác định chủ ngữ (CN); sử dụng câu hỏi *Làm gì?, Là gì?, Thế nào?* để xác định vị ngữ.  - Cho HS chia sẻ bài làm trong nhóm đôi.  - Gọi 2 – 3 HS trình bày kết quả trước lớp.  - Cho HS nghe bạn trình bày, hỏi lại. VD Vì sao Mây đen là chủ ngữ? Vì sao ùn ùn kéo đến là vị ngữ?  - GV nhận xét, chốt ý  + Câu có mấy bộ phận chính?  + Nêu các em xác định chủ ngữ, vị ngữ?  **Bài 5. Tìm chủ ngữ, vị ngữ phù hợp:**  - Cho HS xác đọc và định yêu cầu BT 5.  - cho HS làm bài cá nhân vào VBT  - Tổ chức HS chơi *Chuyền hoa* để chữa bài trước lớp.  - Cho HS nhận xét.  - GV nhận xét, đánh giá. | - 1HS đọc yêu cầu BT1, lớp đọc thầm  - HS làm bài vào VBT; thảo luận nhóm đôi chia sẻ kết quả bài làm, Chọn câu hỏi phù hợp với từ ngữ in đậm.  - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét:  *+ a.* ***Ai*** *đang xây dựng trạm phát sóng mới?*  *+ b.* ***Cái gì*** *lẫn vào trong mây?*  *+ c.* ***Con gì*** *là bạn của chúng em?*  - Nhận xét, lắng nghe.  - 1 HS đọc to BT2,  - HS làm bài vào VBT, sau đó thảo luận nhóm đôi, đặt câu hỏi cho từ ngữ in đậm  - Đại diện 1 số nhóm trình bày :  *+ a. Đám trẻ con* ***làm gì?***  *+ b. Món ăn mà em thích nhất* ***là gì?***  *+ c. Những đám cải bắp, su hào* ***thế nào?***  - HS nhắc lại.  - 1 HS đọc to BT 3; 1 số em nêu yêu cầu của bài tập.  - HS làm bài vào VBT, thảo luận nhóm đôi chia sẻ kết quả bài làm.  - Đại diện nhóm trình bày:  + *a. Từ ngữ nêu người, vật được nói đến trong câu: người thợ, cột ăng-ten, con sáo nâu. + b. Từ ngữ nêu hoạt động, trạng thái của người, vật,... được nói đến trong câu: chạy ùa ra sân, là phở bò, xanh non mơn mởn).*  - Nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn  - HS nêu theo ý hiểu  *+ Chủ ngữ là thành phần chính thứ nhất của câu, nêu người vật được nói đến trong câu. Chủ ngữ trả lời cho câu hỏi Ai (cái gì, con gì)?*  *+ Vị ngữ là thành phần chính thứ hai của câu, giới thiệu hoặc nêu hoạt động, trạng thái, đặc điểm của người, vật .... được nói đến trong câu. Vị ngữ trả lời cho câu hỏi Là gì (làm gì, thế nào)?*  - Nhắc lại ghi nhớ.  - HS ghi 1 câu vào bảng con, gạch chân xác định chủ ngữ, vị ngữ.  VD. *Các bạn lớp em /rất tích cực học tập. CN VN*  - 1 số em dán bảng, trình bày trước lớp  - Hs nhận xét bài của bạn.  - Một HS đọc to bài tập, một vài em xác định yêu cầu BT 4.  - HS làm vào VBT.  - Chia sẻ bài làm trong nhóm.  - Trình bày:  + *Mây đen/ ùn ùn kéo đến.*  *CN VN*  *+ ........*  *+ Cây cối trong vườn/ hả hê tắm mưa.*  *CN VN*  - HS giải thích: Vì Mây đen nêu vật; ùn ùn kéo đến nêu trạng thái của mây đen.  - Nhận xét, lắng nghe.  - HS nêu như ghi nhớ  - 1 HS đọc to, lớp đọc thầm  - HS nêu yêu cầu BT 5.  - Làm vào VBT.  - Chơi trò chơi:  + a. đã về/ đang về/ đến…  + b. Những tia nắng/ Những tia nắng ấm áp/…  + c. Những chú chim/ Bầy chim/ Đàn chim/…  + d. đua nhau nở rộ/ chúm chím nụ xinh/ đua nhau khoe sắc và tỏa hương ngan ngát/…)  - Nhận xét, lắng nghe. |
| **C. Vận dụng** | |
| + Em hãy đặt một câu để giới thiệu về một đồ dùng học tập của em; và xác định các thành phần chính của câu.  - Cho 1 số HS trình bày nhanh.  - GV cho HS nhận xét, GV nhận xét chung. | - HS đặt câu, xác định chủ ngữ, vị ngữ  - 1 số em trình bày trước lớp.  + Quyển sách Tiếng Việt của em /còn  CN VN  thơm mùi giấy mới.  - HS nhận xét |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**